

Số: 2598 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh tại Công văn số 535/DAGT-KH ngày 15/5/2023 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2903/SNV-TCBC-CCVC ngày 05/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3323/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban

hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HP, HgP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuấn

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư
xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa**
(Kèm theo Quyết định số **2508** /QĐ-UBND
ngày **31** /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CHƯƠNG I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Tên gọi và loại hình đơn vị

- Tên gọi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa.
- Trụ sở giao dịch: Tầng 7 và 8, số 16 - đường Nguyễn Thiện Thuật, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Loại hình đơn vị: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn

Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi là Ban Quản lý) thực hiện theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và tự chủ về tổ chức bộ máy

- Lãnh đạo Ban Quản lý có: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.
 - Giám đốc là người đứng đầu, tổ chức lãnh đạo, điều hành toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý; đồng thời chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về mọi hoạt động của Ban Quản lý.

- Giám đốc Ban Quản lý thực hiện phân công công tác cho các Phó Giám đốc và các phòng chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện ủy quyền cho Phó Giám đốc khi đi vắng.

- Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, thực hiện một số nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban Quản lý.

- Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Khánh Hòa.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Phòng Kế hoạch - Tổng hợp;
- Phòng Kế toán;
- Phòng Kỹ thuật - Thẩm định;
- Phòng Quản lý dự án 1;
- Phòng Quản lý dự án 2.

Mỗi phòng chuyên môn, nghiệp vụ có Trưởng phòng và không quá 02 Phó Trưởng phòng.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và thực hiện các chế độ chính sách đối với các chức danh cấp trưởng, cấp phó các phòng chuyên môn, nghiệp vụ do Giám đốc Ban Quản lý quyết định theo quy định của Đảng, Nhà nước và theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Khánh Hòa.

3. Các Ban điều hành dự án (nếu có):

- Căn cứ vào số lượng dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, số lượng dự án được ủy thác quản lý và tùy theo tính chất, quy mô của dự án, Giám đốc Ban Quản lý có thể quyết định thành lập Ban điều hành dự án cụ thể để triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

- Cơ cấu tổ chức của Ban điều hành dự án do Giám đốc Ban Quản lý quyết định.

4. Tự chủ về tổ chức bộ máy

Theo điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, như sau:

Ban Quản lý quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị không thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; xây dựng phương án sắp xếp lại các đơn vị cấu thành trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Điều 4. Vị trí việc làm và số lượng người làm việc

1. Vị trí việc làm của Ban Quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Ban Quản lý xây dựng Đề án vị trí việc làm, tổ chức thẩm định và trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị.

2. Số lượng người làm việc:

Số lượng người làm việc của Ban Quản lý được xác định trên cơ sở vị trí việc làm theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Ban Quản lý căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về định mức số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực (nếu có) để lập kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm; Giám đốc Ban Quản lý tổ chức thẩm định và quyết định phê duyệt theo thẩm quyền.

3. Giám đốc Ban Quản lý có trách nhiệm tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức theo phân cấp quản lý; tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy theo quy định của pháp luật.

Xây dựng kế hoạch, nhu cầu tuyển dụng viên chức hàng năm của đơn vị; thực hiện tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy trình quy định; quyết định tuyển dụng viên chức qua thi tuyển hoặc xét tuyển; báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp biết để theo dõi, quản lý.

CHƯƠNG III TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 5. Về tài chính

1. Cơ chế quản lý: Ban Quản lý thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Nguồn tài chính gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước:

- Kinh phí cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định;

- Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;

- Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có), gồm: Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; kinh phí vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền; kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao; kinh phí được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao cho đơn vị sự nghiệp công để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá để đặt hàng;

- Vốn đầu tư phát triển của dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đầu tư công (nếu có). Nhà nước xem xét bố trí vốn cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang triển khai dở dang theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc bố trí cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản mới thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ban Quản lý quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 7 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

b) Nguồn thu hoạt động sự nghiệp:

- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công;
- Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý;
- Thu từ cho thuê tài sản công: Ban Quản lý thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công.

c) Nguồn thu phí được để lại Ban Quản lý để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

d) Nguồn vốn vay; vốn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

đ) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Sử dụng nguồn tài chính:

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và phương án tự chủ tài chính được cấp thẩm quyền phê duyệt, Ban Quản lý được sử dụng nguồn tài chính như sau:

3.1. Chi thường xuyên giao tự chủ:

a) Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương:

- Trong thời gian Chính phủ chưa ban hành chế độ tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị quyết số 27-NQ/TW), Ban Quản lý chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có). Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, Ban Quản lý sẽ tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu.

- Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW có hiệu lực thi hành, Ban Quản lý sẽ thực hiện như sau: Căn cứ tình hình tài chính, Ban Quản lý được thực hiện cơ chế tự chủ tiền lương theo kết quả hoạt động như doanh nghiệp (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hạng II); quyết định mức lương chi trả cho viên chức, người lao động; chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có).

+ Việc xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện và phân phối tiền lương theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tiền lương làm căn cứ xây dựng quỹ lương kế hoạch hằng năm để chi trả cho viên chức và người lao động, đảm bảo cân đối về lợi ích của người lao động và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị. Trường hợp mức chênh lệch thu lớn hơn chi đạt thấp hơn phương án tự chủ tài chính được phê duyệt thì Ban Quản lý được chủ động điều chỉnh giảm quỹ lương thực hiện theo tỷ lệ tương ứng với mức độ giảm chênh lệch thu lớn hơn chi của phương án tự chủ tài chính được duyệt nhưng phải đảm bảo mức chi trả tiền lương cho viên chức và người lao động không thấp hơn chế độ tiền lương do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công.

+ Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện, Ban Quản lý được trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau. Mức dự phòng hằng năm do Ban Quản lý quyết định nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện. Việc trích lập quỹ dự phòng tiền lương phải đảm bảo sau khi trích lập, đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi; trường hợp đơn vị không có chênh lệch thu lớn hơn chi thì không được trích đủ 17%. Trường hợp năm trước liền kề đơn vị có trích lập quỹ dự phòng tiền lương mà sau 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, đơn vị chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết thì đơn vị phải hoàn nhập dự phòng.

+ Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, Ban Quản lý bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, ngân sách nhà nước không cấp bổ sung. Việc chi trả tiền lương cho người lao động trong đơn vị được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của Ban Quản lý.

b) Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường, khả năng tài chính, Ban Quản lý được quyết định mức chi cụ thể tương xứng với nhiệm vụ được giao và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Ban Quản lý.

c) Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý: Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và quy định hiện hành.

- Đối với các nội dung chi đã có định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ yêu cầu thực tế, mức giá thực tế trên thị trường địa bàn địa phương của đơn vị sự nghiệp công và khả năng tài chính, Ban Quản lý được quyết định mức chi theo quy định trong quy chế

chi tiêu nội bộ của mình và chịu trách nhiệm về đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo quy định Nhà nước.

- Đối với các nội dung chi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, căn cứ tình hình thực tế, Ban Quản lý xây dựng mức chi cho phù hợp với nguồn tài chính của mình và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Giám đốc Ban Quản lý phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

d) Chi thực hiện công việc, dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật phí, lệ phí; chi thực hiện các hoạt động dịch vụ.

đ) Trích lập các khoản dự phòng theo quy định đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định thành lập các quỹ đặc thù để xử lý rủi ro (nếu có).

e) Chi trả lãi tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có).

g) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3.2. Chi thường xuyên không giao tự chủ và chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Chi thường xuyên không giao tự chủ bao gồm:

- Chi thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật đối với từng nguồn kinh phí;

- Chi mua sắm tài sản, sửa chữa lớn phục vụ công tác thu phí từ nguồn thu phí được để lại (phần được để lại chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ công tác thu phí);

- Chi từ nguồn vay nợ, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

b) Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Trường hợp Ban Quản lý được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Ban Quản lý thực hiện quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

c) Ban Quản lý phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về chế độ công tác phí nước ngoài, chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.

4. Phân phối kết quả tài chính trong năm.

a) Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có), Ban Quản lý được sử dụng theo thứ tự như sau:

- Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Trích tối thiểu 25%;

- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập áp dụng trong trường hợp Ban Quản lý chi tiền lương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định 60/2021/NĐ-

CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ: Ban Quản lý trích tối đa không quá 02 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định. Trường hợp Ban Quản lý chi tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ thì không trích lập Quỹ bổ sung thu nhập;

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: Tổng hai quỹ tối đa không quá 03 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của Ban Quản lý;

- Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

- Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

b) Sử dụng các Quỹ:

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; mua bản quyền tác phẩm, chương trình; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ sự nghiệp công theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có);

- Quỹ bổ sung thu nhập: Để chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong năm và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm. Việc chi bổ sung thu nhập cho người lao động trong Ban Quản lý được thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công tác;

- Quỹ khen thưởng: Để thưởng cuối năm, thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài Ban Quản lý theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng do Giám đốc Ban Quản lý quyết định và được ghi trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban Quản lý;

- Quỹ phúc lợi: Để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của Ban Quản lý; góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong Ban Quản lý; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức, hoàn cảnh khó khăn; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế; chi hỗ trợ hoạt động xã hội, từ thiện;

- Quỹ khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Việc sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư, mua sắm, góp vốn liên doanh, liên kết phải thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư công; pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; pháp luật về đấu thầu và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

d) Mức trích cụ thể của các quỹ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 của Quy chế này và quy trình sử dụng các quỹ do Giám đốc Ban Quản lý quyết định

theo quy chế chi tiêu nội bộ, phù hợp với quy định pháp luật liên quan và phải công khai trong Ban Quản lý.

Trong quá trình tổ chức hoạt động, Ban Quản lý có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quy định về Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán.

Điều 6. Quản lý, sử dụng tài sản công

1. Ban Quản lý có trách nhiệm quản lý, sử dụng và áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Ban Quản lý phải trích khấu hao và tính hao mòn tài sản cố định theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Số tiền trích khấu hao tài sản cố định được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

- Đối với tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ nguồn vốn vay, vốn huy động, số tiền trích khấu hao tài sản cố định được dùng để trả nợ; số tiền trích khấu hao tài sản cố định còn lại sau khi trả nợ được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Ban Quản lý; trường hợp số tiền trích khấu hao tài sản cố định không đủ trả nợ, Ban Quản lý được dùng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để trả nợ.

- Tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp của Ban Quản lý là tài sản, vốn của Nhà nước.

3. Giám đốc Ban Quản lý có trách nhiệm căn cứ quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định quản lý tài chính tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ để ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Tự chủ về hoạt động

1. Xây dựng kế hoạch công tác

a) Đối với nhiệm vụ về dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, Ban Quản lý tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi việc thực hiện.

b) Đối với nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công và nhiệm vụ khác sử dụng ngân sách nhà nước, Ban Quản lý xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, báo cáo cơ quan chủ quản cấp trên phê duyệt và quyết định phương thức giao kế hoạch để thực hiện.

2. Hoạt động liên doanh, liên kết

a) Ban Quản lý được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Việc sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Ban Quản lý xây dựng đề án liên doanh, liên kết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, trọng đó phải làm rõ hình thức liên doanh, liên kết (thành lập pháp nhân mới hoặc không thành lập pháp nhân mới); phương án bảo đảm nguồn tài chính, nguồn nhân lực cho hoạt động của đơn vị và cơ sở liên doanh, liên kết.

3. Nghĩa vụ tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban Quản lý

a) Ban Quản lý có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định hiện hành.

b) Ban Quản lý có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Huy động vốn và vay vốn tín dụng

a) Nguyên tắc chung

- Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, Ban Quản lý phải có phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn; tự chịu trách nhiệm trả nợ, cả gốc và lãi tiền vay theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn và hiệu quả sử dụng vốn vay, vốn huy động.

- Ban Quản lý không được sử dụng tài sản công để thế chấp vay vốn theo quy định tại khoản 5 Điều 54 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Các dự án đầu tư từ nguồn vốn vay tín dụng, huy động vốn phải thực hiện theo quy định của pháp luật, công khai, dân chủ trong Ban Quản lý.

b) Ban Quản lý có hoạt động dịch vụ được vay vốn của các tổ chức tín dụng, được huy động vốn của viên chức, người lao động trong Ban Quản lý để đầu tư mở rộng, cải tạo, sửa chữa lớn cơ sở vật chất hiện có; mua bổ sung trang thiết bị để nâng cao chất lượng và tăng quy mô hoạt động sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tự chịu trách nhiệm trả nợ vay theo quy định của pháp luật. Việc huy động vốn của viên chức, người lao động trong Ban Quản lý được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật dân sự.

c) Ban Quản lý trình cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt phương án vay vốn, huy động vốn và hoàn trả vốn.

5. Việc phân chia kết quả của hoạt động liên doanh, liên kết thực hiện theo thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh, liên kết, cụ thể như sau:

a) Đối với hình thức liên doanh, liên kết không thành lập pháp nhân mới: Ban Quản lý thực hiện bổ sung toàn bộ kết quả của hoạt động liên doanh, liên kết vào nguồn tài chính của đơn vị có hoạt động liên doanh, liên kết theo đề án liên doanh, liên kết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đối với hình thức liên doanh, liên kết thành lập pháp nhân mới: số tiền thu được từ kết quả phân chia của hoạt động liên doanh, liên kết sau khi chi trả các chi phí lãi vay, chi phí thuê tài sản đem đi góp vốn (nếu có); phần thu nhập

được chia còn lại của Ban Quản lý được quản lý và sử dụng theo đề án liên doanh, liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Trường hợp sử dụng thương hiệu, giấy phép, bản quyền tác phẩm đề liên doanh, liên kết và các trường hợp đặc thù khác, Ban Quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan. Khi xác định giá trị thương hiệu để góp vốn liên doanh, liên kết theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, một số chỉ tiêu tài chính của Ban Quản lý sử dụng trong thẩm định giá được xác định như sau:

a) Thu nhập của Ban Quản lý được xác định trên cơ sở chênh lệch thu chi trước lãi vay, sau thuế cộng khấu hao;

b) Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu của Ban Quản lý được xác định theo lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm. Trường hợp không có trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm thì xác định theo lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dài nhất gần thời điểm thẩm định giá;

c) Giá trị của các tài sản đóng góp trong cách tiếp cận từ thu nhập được xác định theo giá trị sổ sách kế toán.

7. Trường hợp thực hiện vay vốn, huy động vốn liên doanh, liên kết đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

8. Căn cứ quy định, hướng dẫn có liên quan, Ban Quản lý tổ chức rà soát, xây dựng, trình cấp thẩm quyền phê duyệt, ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá dịch vụ để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Khánh Hòa.

CHƯƠNG IV CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ

Điều 8. Ban Quản lý thực hiện quản lý, điều hành theo chế độ thủ trưởng, làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ. Đối với những công tác như: Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, kỷ luật hay những vấn đề có tính chất phức tạp khác thì Giám đốc Ban Quản lý cần bàn bạc, thống nhất với các Phó Giám đốc hoặc mở rộng thành phần tùy theo tính chất công việc trước khi quyết định.

Điều 9. Viên chức và người lao động trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình để hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác, kể cả nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất. Tôn trọng và tận tụy phục vụ nhân dân, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, quan liêu, cửa quyền; chấp hành nghiêm kỷ luật kỷ cương hành chính, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 10. Chế độ kiểm tra, giám sát

1. Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát đối với dự án được giao quản lý: Tổ chức, thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên: biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và tổ chức giám sát quản lý chất lượng trong thi công xây dựng phù hợp với hình thức quản lý dự án, hợp đồng xây dựng.

2. Chế độ kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nội bộ Ban Quản theo đúng quy chế của đơn vị và quy định của pháp luật: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội quy làm việc cơ quan; chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; Nghị quyết hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động; tác nghiệp thực hiện quản lý, điều hành; chế độ quản lý tài sản, hoạt động chi tiêu tài chính của cơ quan; quy trình thực hiện quản lý đầu tư xây dựng; các nhiệm vụ chính trị được giao; việc thực hiện các quy định của pháp luật và các nội dung khác theo hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan thẩm quyền.

Điều 11. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, người quyết định đầu tư

1. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh, người quyết định đầu tư về thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các nội dung thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư theo nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình triển khai thực hiện các dự án được giao quản lý; đề xuất biện pháp phối hợp xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình.

Điều 12. Đối với các cơ quan khác có liên quan

1. Ban Quản lý được quan hệ, hợp tác, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và tổ chức khác theo chức năng, nhiệm vụ để giải quyết các công việc có liên quan nhằm tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

2. Ban Quản có nghĩa vụ chấp hành các quy định hành chính, các chính sách của chính quyền địa phương nơi đóng trụ sở theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 13. Viên chức và người lao động của Ban Quản lý được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua - khen thưởng.

Điều 14. Viên chức và người lao động của Ban Quản lý nếu vi phạm nội quy, quy chế của Ban Quản lý thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Tất cả hoạt động của Ban Quản lý phải thực hiện theo đúng nội dung Quy chế này và những quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Giám đốc Ban Quản lý chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các hoạt động của Ban Quản lý theo quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung

Trong trường hợp cần thiết hoặc có sự thay đổi, Giám đốc Ban Quản lý có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.